

Số:...../TTr-HĐQT CSTB Tây Ninh, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

**TỜ TRÌNH**

**Về việc xin thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động (sửa đổi, bổ sung) của Công ty cổ phần Cao su Tân Biên;

Căn cứ Công văn số 384 /HĐQTCSVN-TCKT ngày 08/5/2026 của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam về việc thỏa thuận một số nội dung để tham gia ý kiến và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông năm 2026 của Công ty CP cao su Tân Biên.

Căn cứ nhu cầu và tình hình sản xuất kinh doanh tại đơn vị.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty CP cao su Tân Biên thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026, với nội dung như sau:

A.	Chỉ tiêu khối lượng	Đvt	Giá trị
1.	Tổng diện tích đất cao su	ha	5.893,62
	- Diện tích cao su khai thác	ha	2.541,63
	+ Diện tích cao su Công ty tự khai thác	ha	2.328,45
	+ Diện tích cao su nhượng bán quyền khai thác	ha	213,18
	- Diện tích cao su KTCB	ha	2.801,74
	- Diện tích cao su tái canh	ha	550,25
2.	Năng suất cao su	tấn/ha	1,40
	- Năng suất tự khai thác	tấn/ha	1,49
3.	Sản lượng cao su tự khai thác	tấn	3.550
	- Sản lượng Công ty tự khai thác	tấn	3.470
	- Sản lượng nhượng bán quyền khai thác	tấn	80
4.	Sản lượng cao su thu mua	tấn	1.000
5.	Chế biến cao su	tấn	4.500
	- Chế biến cao su tự khai thác	tấn	3.500

	- Chế biến cao su thu mua	tấn	1.000
6.	Thu mua cao su thành phẩm	tấn	5.000
7.	Tiêu thụ. Trong đó:	tấn	9.500
	- Xuất khẩu & Ủy thác XK	tấn	1.400
	- Nội tiêu	tấn	8.100
<b>B.</b>	<b>Chỉ tiêu giá trị</b>		
1.	Tổng doanh thu. Trong đó:	Triệu đồng	824.007
1.1	Sản xuất kinh doanh cao su . Bao gồm:	Triệu đồng	460.470
	- Doanh thu cao su tự khai thác	Triệu đồng	178.150
	- Doanh thu mủ cao su thu mua (bao gồm hàng hóa cao su)	Triệu đồng	281.200
	- Doanh thu cao su nhượng quyền khai thác	Triệu đồng	1.120
1.2	Sản xuất kinh doanh khác	Triệu đồng	600
1.3	Hoạt động tài chính	Triệu đồng	203.460
1.4	Hoạt động khác. Trong đó:	Triệu đồng	159.477
	- Hoạt động thanh lý vườn cây	Triệu đồng	159.277
2.	Tổng chi phí	Triệu đồng	444.809
3.	Lợi nhuận trước thuế.	Triệu đồng	379.198
	Trong đó:		
	- Lợi nhuận cao su tự khai thác (bao gồm lãi tiền gửi hoạt động tài chính)	Triệu đồng	34.465
	- Lợi nhuận hoạt động khác	Triệu đồng	147.862
4.	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	348.766
5.	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	%	46,02%
6.	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/VĐL cuối kỳ báo cáo	%	43,12%
7.	Tỷ lệ chia cổ tức (% trên mệnh giá cổ phiếu)	%	17,99%
8.	Nợ ngân sách (Số phải nộp)	Triệu đồng	72.292
<b>C.</b>	<b>Chỉ tiêu đầu tư</b>		
<b>I</b>	<b>Tổng nhu cầu vốn</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>126.303</b>
1.	Vốn đầu tư XD CB trong năm 2026	Triệu đồng	119.047

	- Xây lắp	Triệu đồng	75.523
	<i>Trong đó: Xây lắp nông nghiệp</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>55.493</i>
	- Thiết bị	Triệu đồng	20.969
	- KTCB khác	Triệu đồng	19.950
	<i>Trong đó: tiền thuê đất vườn cây</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>12.794</i>
	- Trả lãi vay ngân hàng	Triệu đồng	2.605
2	Thanh toán vốn thiếu năm trước	Triệu đồng	4.056
3	Trả nợ vay tín dụng dài hạn	Triệu đồng	3.200
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>126.303</b>
1.	Vốn chủ sở hữu. <i>Trong đó:</i>	Triệu đồng	111.478
	- Khấu hao TSCĐ	Triệu đồng	10.730
	- Quỹ đầu tư phát triển	Triệu đồng	100.748
2.	Vốn vay trong nước	Triệu đồng	14.825

Trường hợp Kế hoạch SXKD có thay đổi, điều chỉnh. Kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị điều chỉnh và thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 phù hợp tình hình thực tế.

Trên đây là kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty CP cao su Tân Biên. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thảo luận và thông qua.

Trân trọng kính trình!

*Nơi nhận:*

- Như trên;
  - HĐQT, BKS, B.TGD Cty;
  - Lưu: VT, TK.HĐQT.
- (Tài liệu ĐHCĐTN năm 2026).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



Số: /TTr-HĐQT CSTB Tây Ninh, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc thông qua tiền lương, thù lao của**  
**Người quản lý năm 2025 và kế hoạch năm 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026  
Công ty cổ phần Cao su Tân Biên

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động (sửa đổi, bổ sung) của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên;

Căn cứ Công văn số 384 /HĐQTCSVN-TCKT ngày 08/5/2026 của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam về việc thỏa thuận một số nội dung để tham gia ý kiến và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông năm 2026 của Công ty CP cao su Tân Biên.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét thông qua tiền lương, thù lao của Người quản lý năm 2025 và kế hoạch năm 2026, như sau:

**1. Tiền lương, thù lao của Thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát năm 2025:**

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Quý tiền lương thực hiện và thù lao, phụ cấp năm 2025	Quý tiền lương thực hiện và thù lao, phụ cấp năm 2025 đã chi trả	Quý tiền lương thực hiện và thù lao, phụ cấp năm 2025 còn lại, chưa chi trả
<b>I</b>	<b>Quý lương của người quản lý chuyên trách</b>		<b>1.108.800.000</b>	<b>1.048.471.655</b>	<b>60.328.345</b>
1	Trương Văn Cư	Chủ tịch HĐQT	604.800.000	573.069.964	31.730.036
2	Nguyễn Văn Sang	Trưởng Ban KS	504.000.000	475.401.691	28.598.309
<b>II</b>	<b>Quý lương của Ban điều hành</b>		<b>2.060.504.196</b>	<b>1.951.275.855</b>	<b>109.228.341</b>
1	Lâm Thanh Phú	TV HĐQT-TGD	540.814.752	513.650.976	27.163.776
2	Dương Tấn Phong	TV HĐQT-Phó TGD	508.365.864	481.850.179	26.515.685
3	Trần Văn Toàn	Phó TGD	508.365.864	481.138.150	27.227.714
4	Lâm Quang Phúc	Kế toán trưởng	502.957.716	474.636.550	28.321.166
<b>III</b>	<b>Quý thù lao của NQL không chuyên trách</b>		<b>154.800.000</b>	<b>146.070.000</b>	<b>8.730.000</b>

1	Lâm Thanh Phú	TV HĐQT	32.400.000	29.160.000	3.240.000
2	Dương Tấn Phong	TV HĐQT	32.400.000	29.160.000	3.240.000
3	Đỗ Quốc Tuấn	TV HĐQT độc lập	32.400.000	31.590.000	810.000
4	Hoàng Quốc Hưng	KSV	28.800.000	28.080.000	720.000
5	Hoàng Văn Vinh	KSV	28.800.000	28.080.000	720.000
	<b>Tổng cộng</b>		<b>3.324.104.196</b>	<b>3.145.817.510</b>	<b>178.286.686</b>

**2. Kế hoạch thù lao, tiền lương của Thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát năm 2026:**

- + Thù lao TV.HĐQT không chuyên trách: 2.975.000 đồng/người/tháng.
- + Thù lao Kiểm soát viên không chuyên trách: 2.500.000 đồng/người/tháng.
- Sau khi Kế hoạch tiền lương, thù lao, phụ cấp của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát năm 2026 được Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam thỏa thuận sẽ được chi trả đúng mục đích và đúng quy định.
- Trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt Kế hoạch tiền lương, thù lao, phụ cấp của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát năm 2026 sau khi được Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam thỏa thuận.

Trân trọng kính trình!

**Nơi nhận:**

- ĐHĐCĐTN năm 2026;
  - TV. HĐQT, BKS. B.TGD Cty;
  - Lưu VT, TK.HĐQT.
- (Tài liệu ĐHĐCĐ 2026).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**TỜ TRÌNH**

**Về việc chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026**

Kính gửi: ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 Công ty CP cao su Tân Biên

Căn cứ Văn bản số 1499/CSVN-TCKT ngày 14/05/2021 của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam về việc đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính hàng năm;

Căn cứ Danh sách doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính ([www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn)) tại thời điểm gần nhất;

Căn cứ công văn số 384/HĐQTCSVN-TCKT ngày 08/5/2026 của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam về việc thỏa thuận một số nội dung để tham gia ý kiến và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông năm 2026 của Công ty CP cao su Tân Biên.

Ban Kiểm soát xin đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để thực hiện dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng và kiểm toán Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2026, gồm 03 đơn vị có tên dưới đây:

- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
- Công ty TNHH Kiểm toán và dịch vụ Tin học Moore AISC;
- Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA);

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần cao su Tân Biên Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán như sau:

1. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn 1 trong 3 đơn vị trên để thực hiện dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng và kiểm toán Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2026 của Công ty;

2. Ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty thực hiện các thủ tục để ký Hợp đồng kiểm toán với Công ty kiểm toán được lựa chọn theo quy định.

3. Trường hợp 03 (ba) đơn vị trên không tham gia thực hiện dịch vụ kiểm toán, trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập đủ điều kiện thực hiện soát xét BCTC bán niên và kiểm toán BCTC năm 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

**Nơi nhận:**

- ĐHĐCĐ TN năm 2026;
- Lưu: VT, BKS.
- (Tài liệu ĐHĐCĐ 2026).

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: TTT-HĐQTCSSTB

Tây Ninh, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc xin phê duyệt (sửa đổi, bổ sung) Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Quyết định số 191/QĐ-HĐQTCSSTB ngày 26/6/2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cao su Tân Biên về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động (sửa đổi, bổ sung) - Công ty cổ phần cao su Tân Biên;

Căn cứ Luật số 68/2025/QH15 về Quản lý và Đầu tư vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

Căn cứ Công văn số 1336/CSVN-PCTT ngày 21/5/2026 của Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam về việc rà soát sửa đổi Điều lệ Công ty phù hợp với quy định của Pháp luật.

HĐQT Công ty CP cao su Tân Biên kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt điều chỉnh bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP cao su Tân Biên.

(Đính kèm bảng so sánh nội dung điều chỉnh)

Kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV.HĐQT, BKS Công ty;
- Lưu VT; TK.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Điều	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ điều chỉnh
Khoản 1 Điều 1. Giải thích thuật ngữ	c) <i>Luật Doanh nghiệp</i> là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;	c) <i>Luật Doanh nghiệp</i> là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 <u>và các văn bản sửa đổi, bổ sung;</u>	Cập nhật định nghĩa Luật chứng khoán sửa đổi, bổ sung, thay thế
	d) <i>Luật Chứng khoán</i> là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;	d) <i>Luật Chứng khoán</i> là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 <u>và các văn bản sửa đổi, bổ sung;</u>	Cập nhật định nghĩa Luật doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung, thay thế
	g) <i>Người điều hành doanh nghiệp</i> là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng <del>và người điều hành khác</del> do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;	g) <i>Người điều hành doanh nghiệp</i> là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;	Quy định cụ thể chức danh Người quản lý của Công ty, Người điều hành của Công ty để thuận tiện công tác kê khai tại BCTC, BC tình hình quản trị và các hồ sơ khác liên quan và tránh sai sót trong quá trình kê khai tại các tài liệu này.
	h) <i>Người quản lý doanh nghiệp</i> là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc <del>và cá nhân giữ chức danh quản lý khác</del> do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;	h) <i>Người quản lý doanh nghiệp</i> là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;	
	-	n) Thành viên Ban kiểm soát là Kiểm soát viên	Bổ sung để làm rõ Thành viên BKS và Kiểm soát viên là 1.
	n) <i>Thời hạn hoạt động</i> là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này <del>và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;</del>	o) <i>Thời hạn hoạt động</i> là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;	Khoản 5 Điều 2 quy định thời gian hoạt động của Công ty là vô thời hạn. Do đó, các điều khoản quy định về thời hạn, thủ tục gia hạn hoạt động không phù hợp.
-	q) VSDC là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam	Chuẩn hóa tên gọi của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán	

Điều	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ điều chỉnh
			Việt Nam
	-	r) Địa chỉ liên lạc là địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức; địa chỉ thường trú hoặc nơi làm việc hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với doanh nghiệp để làm địa chỉ liên lạc;	Quy định cụ thể để thuận tiện công tác tra cứu, trích lục, gửi thư mời họp, phiếu lấy ý kiến.
	-	s) Bí mật thương mại là các thông tin về lượng hàng hoá dự trữ tồn kho, về giá thành, về tài chính, về giải pháp công nghệ và kỹ thuật kinh doanh. Ví dụ: Quy trình, kỹ thuật và bí quyết kỹ thuật trong sản xuất; Thông tin khách hàng; Các thuật toán, quy trình được thực hiện trong Công ty; Công thức để sản xuất sản phẩm; Chiến lược kinh doanh; Thông tin về các hoạt động nghiên cứu phát triển;	Quy định cụ thể để biết nội dung không được cung cấp cho cổ đông khi được yêu cầu.
	-	t) Bí mật kinh doanh là các thông tin thu được từ hoạt động đầu tư tài chính, trí tuệ, chưa được bộc lộ và có khả năng sử dụng trong kinh doanh. Ví dụ: Quy trình công thức, mẫu hàng, thiết bị hoặc tập hợp các loại thông tin khác mà được sử dụng trong một thời gian nhất định trong một doanh nghiệp; thông tin kỹ thuật dùng trong quá trình sản xuất hàng hoá; chiến lược tiếp thị, xuất khẩu hoặc bán hàng, hay phương pháp lưu trữ tài liệu hoặc các quy trình và thủ tục quản lý kinh doanh, kể cả phần mềm dùng cho các hoạt động kinh doanh;	Quy định cụ thể để biết nội dung không được cung cấp cho cổ đông khi được yêu cầu.
Khoản 3 Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi	- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 2, Ấp Thạnh Phú, Xã Tân Hiệp, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh	- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 2, Ấp Thạnh Phú, Xã Tân Hội, Tỉnh Tây Ninh	Điều chỉnh địa giới hành chính.
	5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 55 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 56 Điều lệ này, thời hạn	5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 55, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.	Khoản 5 Điều 2 quy định thời gian hoạt động của Công ty là vô thời

Điều	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ điều chỉnh
nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	hoạt động của Công ty là vô thời hạn.		hạn. Do đó, các điều khoản quy định về thời hạn, thủ tục gia hạn hoạt động không phù hợp.
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	-	<p>3. Công ty phải đảm bảo luôn có ít nhất một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam. Khi chỉ còn lại một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam thì người này khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật.</p> <p>4. Trường hợp hết hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc, hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác thay thế.</p> <p>5. Trường hợp vắng mặt ở Việt Nam quá ba mươi (30) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty thì Hội đồng quản trị sẽ cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>	Tuân thủ quy định tại Điều 12 Luật Doanh nghiệp 2020 về trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật đảm bảo hoạt động kinh doanh của công ty diễn ra liên tục, không bị gián đoạn
Khoản 1 Điều 4. Mục tiêu hoạt động	<p>- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và <del>bảo hiểm xã hội</del>) (Mã ngành 6499);</p> <p>- Bán lẻ hàng hóa khác mới <del>trong các cửa hàng</del></p>	<p>- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và <u>hoạt động quỹ hưu trí</u>) (Mã ngành 6499);</p> <p>- Bán lẻ hàng hóa khác mới (<u>trừ ô tô, mô tô, xe</u></p>	Điều chỉnh ngành, mã ngành phù hợp với danh mục ngành kinh tế Việt Nam ban hành kèm theo

Điều	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ điều chỉnh
của Công ty	<p><u>chuyên doanh (Mã ngành 4773);</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (Mã ngành 3100);</li> <li>- Sản xuất điện (Mã ngành 3511);</li> <li>- Truyền tải và phân phối điện (Mã ngành 3512);</li> <li>- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Mã ngành 4663);</li> <li>- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (Mã ngành 1104);</li> <li>- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 4669);</li> </ul>	<p><u>máy và các bộ phận phụ trợ (Mã ngành 4773);</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế <u>bằng gỗ (Mã ngành 3101);</u></li> <li>- Sản xuất điện <u>từ nguồn năng lượng tái tạo (Mã ngành 3512);</u></li> <li>- Truyền tải và phân phối điện (Mã ngành 3513);</li> <li>- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Mã ngành 4673);</li> <li>- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (Mã ngành 1105);</li> <li>- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 4679);</li> </ul>	<p>Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ</p>
Khoản 5 Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần và cơ cấu cổ phần	<p>5. Công ty không có cổ đông sáng lập.</p>	<p>5. Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900242832 do Sở KH&amp;ĐT (nay là Sở Tài chính) tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 21/12/2009. Căn cứ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, tính đến thời điểm hiện nay <u>cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.</u></p>	<p>Cập nhật thông tin lịch sử thành lập của Công ty; làm rõ tình trạng pháp lý của các cổ phần phổ thông thuộc cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, đảm bảo quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của cổ đông một cách minh bạch.</p>
Khoản 7 Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần và cơ cấu cổ	-	<p>6. Chào bán cổ phần là việc công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:</p> <p>a) Chào bán cho các cổ đông hiện hữu.</p>	<p>Giải thích về hình thức chào bán cổ phần tăng vốn điều lệ</p>

Điều phần	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ điều chỉnh
		b) Chào bán ra công chúng. c) Chào bán cổ phần riêng lẻ. d) Hình thức khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông	
Khoản 3 Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.	3. <u>Người sở hữu cổ phần được cấp giấy chứng nhận cổ phiếu</u> trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày <u>VSDC thông báo đã nhận</u> đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của pháp luật hoặc trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.	Công ty đã đăng ký chứng khoán tại VSDC, cổ đông thực hiện chuyển quyền sở hữu tại VSDC. Công ty cấp lại chứng nhận cổ phiếu sau khi VSDC thông báo nhận đủ hồ sơ.
Khoản 4 Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây: a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.	4. Trường hợp <u>chứng nhận</u> cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại <u>chứng nhận</u> cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây: a) Thông tin về <u>chứng nhận</u> cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại <u>chứng nhận</u> cổ phiếu mới.  5. Trường hợp Công ty hủy đăng ký chứng khoán tại VSDC, Công ty cấp lại chứng nhận cổ phiếu cho cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày hiệu lực hủy đăng ký chứng khoán theo thông báo của VSDC	Phù hợp với thực tế, chứng nhận cổ phiếu là văn bản do công ty phát hành, nhằm xác nhận quyền sở hữu hợp pháp của một cá nhân/tổ chức đối với cổ phần trong Công ty.
Khoản 1	1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng	1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng	Cổ phiếu của công ty

Điều	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ điều chỉnh
Điều 9. Chuyên nhượng cổ phần	trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu <del>niêm yết</del> , đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyên nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyên nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	đăng đăng ký giao dịch tại hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết (UPCoM)
Khoản 1 Điều 12. Quyền của cổ đông	2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;	2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình. <u>Việc cung cấp thông tin theo quy trình được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty;</u> f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. <u>Việc cung cấp thông tin theo quy trình được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty;</u>	Bổ sung quy trình cung cấp thông tin.
Khoản 2 Điều 12. Quyền của cổ đông	2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị <del>và tài liệu khác</del> , trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;	2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty. <u>Việc cung cấp thông tin theo quy trình được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty;</u>	Bổ sung quy trình cung cấp thông tin.
	d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03	d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 05	Để đưa thêm nội dung vào chương trình ĐHCĐ thì HĐQT cần

Điều	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ điều chỉnh
	ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;	ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;	hợp thống nhất, mà việc gửi thư mời họp HĐQT là chậm nhất 3 ngày trước ngày họp. Do đó, thời gian kiến nghị về chương trình họp của cổ đông chậm nhất 5 ngày làm việc trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ để có thời gian chuẩn bị tài liệu họp HĐQT.
Khoản 3 Điều 12. Quyền của cổ đông	b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người <del>theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông</del> làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.	b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát <u>theo quy định tại Điều 25 và Điều 37 Điều lệ này</u> . Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử <u>theo quy định tại Điều 25 và Điều 37 Điều lệ này</u> .	Đồng bộ quy trình ứng cử, đề cử TV HĐQT bằng cách dẫn chiếu trực tiếp đến điều khoản cụ thể.
Khoản 3 Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và Quy chế <del>quản lý</del> nội bộ của Công ty	3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ của Công ty <u>do ĐHĐCĐ thông qua</u> .	Quy chế nội bộ của Công ty do ĐHĐCĐ thông qua bao quát các quy chế nội bộ.
Khoản 3 Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành	3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành	Phù hợp với Điểm a Khoản 4 Điều 160 Luật Doanh nghiệp.



Điều	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ điều chỉnh
	viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;	viên tối thiểu theo quy định của pháp luật, <u>số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số lượng thành viên Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại thời điểm gần nhất;</u>	
Khoản 4 Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	<p>a) Hội đồng quản trị phải <del>triệu tập</del> họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.</p> <p>c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>a) Hội đồng quản trị phải <u>xác định ngày khai mạc</u> họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.</p> <p>c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền <u>yêu cầu</u> đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;</p>	Làm rõ việc triệu tập họp là xác định ngày khi mạc họp (khác với việc gửi thư mời họp).
Khoản 1, 2 Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	<p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</p> <p>b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty,</p> <p>e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;</p> <p>f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</p> <p>b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty,</p> <p>e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;</p> <p>f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần</p>	Bỏ bớt các nội dung bắt buộc phải thông qua ĐHĐCĐ thường niên (Khoản 2) và bổ sung các nội dung này vào quyền và nghĩa vụ của ĐHCĐ (Khoản 1).

Điều	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ điều chỉnh
	<p>đã bán của mỗi loại;</p> <p>h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</p> <p>i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>k) Phê duyệt/ Sửa đổi, bổ sung Quy chế <del>quản trị nội bộ</del>; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>l) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</p> <p>b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;</p> <p>c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc</p> <p>e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;</p>	<p>đã bán của mỗi loại;</p> <p>h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</p> <p>i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>k) Phê duyệt/ Sửa đổi, bổ sung Quy chế <u>nội bộ về quản trị Công ty</u>; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, <u>Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát</u>;</p> <p>l) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p><u>m) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</u></p> <p><u>n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</u></p> <p><u>o) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</u></p> <p><u>p) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</u></p> <p>q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</p>	

Điều	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ điều chỉnh
	<p>f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>j) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;</p> <p>k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;</p> <p>l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4</p>	<p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</p> <p>b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;</p> <p>c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc</p> <p>e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	

Điều	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ điều chỉnh
	<p>Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</p> <p>t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>		
<p>Khoản 1 Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp, <u>theo quy định cụ thể sau:</u></p> <p>a) <u>Đối với cổ đông là cá nhân chỉ được ủy quyền cho tối đa một (01) người đại diện theo ủy quyền tham dự họp. Cổ đông đã ủy quyền này sẽ không được tham dự đại hội ngay cả trong trường hợp ủy quyền một phần cho người đại diện theo ủy quyền.</u></p> <p>b) <u>Đối với cổ đông là tổ chức sẽ thực hiện ủy quyền như sau:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <u>Cổ đông nắm giữ dưới 1% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền cho tối đa một (01) người dự họp Đại hội đồng cổ đông;</u></li> <li>- <u>Cổ đông nắm giữ từ 1% đến dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền cho tối đa hai (02) người dự họp;</u></li> <li>- <u>Cổ đông nắm giữ từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền cho tối đa bốn (04) người dự họp.</u></li> </ul> <p><u>Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo</u></p>	<p>Quy định rõ số lượng người nhận ủy quyền khi tham dự họp ĐHĐCĐ nhằm tối ưu thủ tục kiểm tra tư cách cổ đông, hạn chế tranh chấp nội bộ và đảm bảo tính hiệu quả trong công tác tổ chức Đại hội.</p>

Điều	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ điều chỉnh
		<p><u>Ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp không xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, số cổ phần và số phiếu sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền, phần lẻ cổ phần (nếu có) sẽ được ưu tiên theo thứ tự ABC cho tên người đại diện theo ủy quyền.</u></p>	
<p>Khoản 1 Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. <del>Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</del></p>	<p>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký (<u>ghi rõ họ tên được viết tay hoặc ký số</u>), đóng dấu (<u>nếu là tổ chức</u>) của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. <u>Người nhận ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.</u></p>	<p>Quy định về cách thức ủy quyền lại nhằm bảo đảm quyền biểu quyết được thực hiện đúng ý chí của cổ đông.</p> <p>Bổ điều khoản ủy quyền lại.</p>
<p>Khoản 4 Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại</p>	<p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, <del>Giấy chứng minh nhân dân</del>, Hộ chiếu</p>	<p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất <u>05</u> ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, <u>Thẻ Căn cước</u>, Hộ chiếu hoặc chứng</p>	<p>- Để đưa thêm nội dung vào chương trình ĐHĐCĐ thì HĐQT cần họp thống nhất, mà việc gửi thư mời họp HĐQT là chậm nhất 3 ngày trước ngày họp. Do đó, thời gian kiến nghị về chương trình họp của cổ</p>

Điều	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ điều chỉnh
hội đồng cổ đông	hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.	thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.	đông chậm nhất 5 ngày làm việc trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ để có thời gian chuẩn bị tài liệu họp HĐQT. - Phù hợp với Luật Căn cước.
Khoản 2 Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.	3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.	Phù hợp với thời gian tối thiểu để triệu tập họp ĐHĐCĐ.
Khoản 2. Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	2. Việc bầu chủ tọa, thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu và Ban kiểm phiếu được quy định như sau: c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp; Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu phục vụ cuộc họp;	2. Việc bầu chủ tọa, thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu và Ban kiểm phiếu được quy định như sau: c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp; <u>người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông cử một hoặc một số người làm Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu phục vụ cuộc họp;</u>	Quy định thẩm quyền cử Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu phù hợp với quy trình thực tế tổ chức đại hội (Ban kiểm tra tư cách phải hoạt động trước khi bầu Chủ tọa tại thời điểm khai mạc)
Khoản 5, 6 Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại	-	5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. 6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến	- Minh bạch phương thức bỏ phiếu và thời điểm công bố kết quả kiểm phiếu; - Đảm bảo quyền biểu quyết của cổ đông đến muộn nhưng vẫn duy trì

Điều	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ điều chỉnh
hội đồng cổ đông		sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.	tính ổn định, liên tục và hiệu lực của các nội dung đã được Đại hội thông qua trước đó.
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	<p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;</p> <p>e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>đ) <del>Vấn đề khác do Điều lệ Công ty quy định;</del></p>	<p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;</p> <p>e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;</p>	Điều f chỉ phù hợp khi nằm trong văn bản luật để trao quyền lại cho các công ty tự quyết.
Khoản 2, 3, 4, 5, 8 Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị	<p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến <del>nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn</del>. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p>	<p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu</p>	<p>- Chuẩn hóa câu chữ của Điều lệ theo hướng cố định thời hạn gửi phiếu và tỷ lệ thông qua theo Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>- Bổ sung Phương án bầu cử vào phiếu lấy ý kiến cho phép Công ty thực hiện bầu thành viên HĐQT hoặc Ban kiểm soát thông qua hình thức</p>

Điều	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ điều chỉnh
quyết của Đại hội đồng cổ đông .	<p>-</p> <p>4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây: ...</p> <p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: ...</p> <p>8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành <del>hoặc tỷ lệ cụ thể do Điều lệ Công ty quy định</del> và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>sau đây:</p> <p><u>g) Phương án bầu cử (nếu có):</u></p> <p>4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo <u>thông tin đã đăng ký tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam</u> theo quy định sau đây: ...</p> <p>5. Hội đồng quản trị <u>tổ chức</u> kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: ...</p> <p>8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>- Ràng buộc thông tin gửi phiếu trùng khớp với dữ liệu từ VSDC</p> <p>- Các thành viên HĐQT không nhất thiết phải trong ban kiểm phiếu mà chỉ tổ chức công tác kiểm phiếu</p>
Khoản 1 Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	<p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông <del>đự họp</del>;</p> <p>4. ...</p> <p>Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo <del>trong biên bản, nghị quyết</del></p>	<p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông <u>tham dự và biểu quyết</u>;</p> <p>4. ...</p> <p>Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo phải được công bố thông tin</p>	<p>- Thông nhất phương thức tính tỷ lệ biểu quyết tính trên số phiếu của cổ đông tham dự và biểu quyết</p> <p>- Tài liệu đại hội CBTT kèm Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ</p>



Điều	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ điều chỉnh
	phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.	theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.	
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	-	<u>Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</u>	Tuân thủ tuyệt đối quy định tại Điều 152 Luật Doanh nghiệp 2020 (về Hiệu lực nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi có yêu cầu hủy bỏ).
Khoản 2, 3, 4 Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	<p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.</p> <p>3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động</p>	<p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên. <u>Việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về Quản trị công ty.</u></p> <p>3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên theo quy định tại</p>	<p>- Đồng bộ quy trình ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị với Quy chế nội bộ về quản trị công ty</p> <p>- Thứ tự đề cử, ứng của TV HĐQT:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông từ 10% số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết</li> <li>2. HĐQT đương nhiệm</li> <li>3. Các cổ đông khác</li> </ol>

Điều	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ điều chỉnh
	<p>của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm <del>giới thiệu</del> thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm <del>đề cử</del> thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</p> <p><u>4. Trường hợp số lượng ứng cử viên do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 3 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị công bố thông tin về việc số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị không đủ số lượng cần thiết trong thời hạn chậm nhất là năm (05) ngày trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ. Hội đồng quản trị tổ chức cho các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</u></p>	
<p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>1. Số lượng Thành viên HĐQT Công ty <del>do Đại hội đồng cổ đông quyết định</del> tối thiểu là 03 (ba) người và tối đa là 05 (năm) người.</p> <p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>- Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</p> <p><del>– Trường hợp Công ty đại chúng chưa niêm yết hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b</del></p>	<p>1. Số lượng Thành viên HĐQT Công ty từ 03 (ba) đến 07 (bảy) người.</p> <p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>- Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu 01 thành viên không điều hành <u>trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên; tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 07 thành viên.</u></p> <p>- Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu 01 thành viên độc lập <u>trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05</u></p>	<p>- Ấn định số lượng TV HĐQT nhằm xác định tỷ lệ giám của HĐQT;</p> <p>- Quy định về cơ cấu TV HĐQT không điều hành phù hợp với Nghị định 245/2025/NĐ-CP</p> <p>- Quy định về Quyền và nghĩa vụ của TV HĐQT trong thời gian đợi ĐHĐCĐ thông qua miễn nhiệm.</p>

Điều	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ điều chỉnh
	<p>khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp, cơ cấu Thành viên HĐQT của Công ty phải đảm bảo ít nhất (1/5) tổng số Thành viên Hội đồng quản trị là Thành viên độc lập và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Thành phần, cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán được quy định tại Điều 161 Luật doanh nghiệp, Điều 282, 283, 284 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p> <p>Trường hợp số Thành viên HĐQT của Công ty đại chúng chưa niêm yết hoạt động theo mô hình nêu trên có ít hơn 5 người, Công ty phải đảm bảo có 01 Thành viên HĐQT là Thành viên độc lập.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p><u>thành viên; tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 07 thành viên.</u></p> <p>Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.</p> <p><u>Thành viên Hội đồng quản trị vẫn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ cho đến khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị, trừ quyền tham dự, biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và quyền nhận thù lao của thành viên Hội đồng quản trị ngay khi Công ty nhận được thông báo về các trường hợp sau đây:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <u>Thành viên Hội đồng quản trị bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.</u></li> <li>- <u>Thành viên Hội đồng quản trị đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.</u></li> <li>- <u>Hội đồng quản trị có quyết định thông qua việc tiếp nhận đơn từ nhiệm/từ chức của Thành viên Hội đồng quản trị theo quy định.</u></li> </ul>	

Điều	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ điều chỉnh
Khoản 1 Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	<p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư <del>trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</del></p> <p>i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và <del>người quản lý quan trọng khác</del> do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>r) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế <del>hoạt động của Hội đồng quản trị.</del></p>	<p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư <u>có mức đầu tư dưới 35% tổng tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</u></p> <p>i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>r) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế <u>nội bộ về quản trị Công ty.</u></p>	Làm rõ hạn mức thẩm quyền quyết định dự án đầu tư của Hội đồng quản trị (dưới 35% tổng tài sản) để phân định ranh giới với Đại hội đồng cổ đông.
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	<p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp <del>và Điều lệ này.</del></p> <p>5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của</p>	<p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên <u>Hội đồng quản trị khác thực hiện</u></p>	Xác định đối tượng nhận ủy quyền Chủ tịch Hội đồng quản trị khi vắng tại cuộc họp HĐQT

Điều	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ điều chỉnh
	Chủ tịch Hội đồng quản trị <del>theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. ...</del>	quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. ...	
Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	<p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;</p> <p>b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;</p> <p>c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p><del>d) Các trường hợp khác khi xét thấy cần thiết.</del></p> <p>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>...</p> <p>8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại <del>khoản</del> này không đủ số thành viên dự họp</p>	<p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;</p> <p>b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;</p> <p>c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải <u>gửi thông báo mời họp đến các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Công ty nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này và chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được tổ chức không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày Công ty nhận được đề nghị.</u> Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị, <u>quy trình triệu tập tương tự như Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập theo đề nghị.</u></p> <p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, <u>hình thức họp</u>, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định thời hạn họp HĐQT khi nhận được đề nghị họp</li> <li>- Bổ sung nội dung “hình thức họp” vào thông báo mời họp để phù hợp với thực tế vận hành trực tuyến hiện nay.</li> <li>- Quy định về mời họp HĐQT lần 2 trong trường hợp họp HĐQT lần 1 không đủ điều kiện tiến hành.</li> <li>- Quy định về việc lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản.</li> <li>- Quy định về ủy quyền tham dự HĐQT</li> </ul>

Điều	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ điều chỉnh
	<p>theo quy định thì <del>được triệu tập</del> lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>...</p> <p>11. Biểu quyết</p> <p>a) Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 9 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;</p> <p>b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. <del>Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</del></p> <p>e) <del>Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;</del></p> <p>d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một</p>	<p>...</p> <p>8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại <u>điều</u> này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp lần thứ hai đến các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất và chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được tổ chức không quá 10 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất.</u> Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>9. <u>Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.</u> Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>...</p> <p>11. Biểu quyết</p> <p>a) Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 9 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;</p> <p>b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.</p>	

Điều	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ điều chỉnh
	<p>hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 43 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;</p> <p>e) Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết <del>nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</del></p>	<p>c) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 43 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;</p> <p>d) Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho <u>thành viên Hội đồng quản trị khác hoặc người khác (không phải thành viên Hội đồng quản trị nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận)</u> dự họp và biểu quyết.</p>	
	<b>VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</b>	<b>VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ</b>	
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	<p>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng <del>và các chức danh quản lý khác</del> do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	Lược bỏ để thống nhất với định nghĩa
Khoản 4 Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và	<p>4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;</p> <p>i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của</p>	<p>4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>f) Quyết định tiền lương, <u>tiền thưởng</u> và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;</p> <p>i) <u>Tổng Giám đốc</u> chịu trách nhiệm trước Hội</p>	Cụ thể thẩm quyền quyết định của Tổng Giám đốc đối với người lao động để tăng tính chủ động trong điều hành

Điều	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ điều chỉnh
nghĩa vụ của Tổng giám đốc	pháp luật, Điều lệ Công ty, và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.	<p><u>đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao, và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.</u></p> <p>j) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Hợp đồng lao động ký với Công ty.</p>	
Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát	<p>1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ này. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Thành viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) Thành viên Ban kiểm soát; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) Thành viên Ban kiểm soát; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) Thành viên Ban kiểm soát; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa bốn (04) Thành viên Ban kiểm soát từ 60% trở lên được đề cử năm (05) ứng viên.</p> <p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.</p>	<p>1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ này. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Thành viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) Thành viên Ban kiểm soát; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) Thành viên Ban kiểm soát; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) Thành viên Ban kiểm soát; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa bốn (04) Thành viên Ban kiểm soát từ 60% trở lên được đề cử năm (05) ứng viên. <u>Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát được quy định chi tiết tại khoản 1 Điều 70 Quy chế nội bộ về Quản trị công ty.</u></p> <p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử <u>theo khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp</u> không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm <u>đề cử thêm ứng viên</u> phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>- Đồng bộ quy trình ứng cử, đề cử thành viên BKS với Quy chế nội bộ về quản trị công ty</p> <p>- Thứ tự đề cử, ứng của TV BKS:</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông từ 10% số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết</p> <p>2. BKS đương nhiệm</p> <p>3. Các cổ đông khác</p>



Điều	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ điều chỉnh
		<p>biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.</p> <p><u>3. Trường hợp số lượng ứng viên do Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 2 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát công bố thông tin về việc số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát không đủ số lượng cần thiết trong thời hạn chậm nhất là năm (05) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các đồng khác đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.</u></p>	
Khoản 5 Điều 38. Thành phần Ban kiểm soát	-	<p>5. Thành viên Ban kiểm soát vẫn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ cho đến khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Ban kiểm soát, trừ quyền tham dự, biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát và quyền nhận thù lao của thành viên Ban kiểm soát ngay khi Công ty nhận được thông báo về các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành viên Ban kiểm soát bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.</li> <li>- Thành viên Ban kiểm soát đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo</li> </ul>	- Quy định về Quyền và nghĩa vụ của TV BKS trong thời gian đợi ĐHĐCĐ thông qua miễn nhiệm.

Điều	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ điều chỉnh
		<p>dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.</p> <p>- Ban kiểm soát có quyết định thông qua việc tiếp nhận đơn từ nhiệm/từ chức của Thành viên Ban kiểm soát theo quy định.</p>	
Khoản 1 Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát	<p>1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, <del>trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.</del></p>	<p>1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p>	<p>Lược bỏ vì chỉ phù hợp khi nằm trong văn bản luật để trao quyền lại cho các công ty tự quyết.</p>
Khoản 8, 9 Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	<p>8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.</p> <p>9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.</p>	<p>8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác <u>có liên quan đến việc thực thi nhiệm vụ được phân công của thành viên Ban kiểm soát nếu được Ban kiểm soát thông qua, và những thông tin này không thuộc phạm vi bí mật kinh doanh của công ty. Người được cung cấp thông tin có trách nhiệm bảo mật thông tin được cung cấp, sử dụng đúng mục đích cho công việc được giao; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc. Việc cung cấp thông tin theo quy trình được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</u></p> <p>9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người</p>	<p>Bổ sung quy trình cung cấp thông tin.</p>

Điều	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ điều chỉnh
		quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty. <u>Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.</u>	
Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	<del>Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây: ...</del>	Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây: ...	Lược bỏ vì chỉ phù hợp khi nằm trong văn bản luật để trao quyền lại cho các công ty tự quyết.
Khoản 1 Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	<del>b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</del>	b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.	Lược bỏ vì chỉ phù hợp khi nằm trong văn bản luật để trao quyền lại cho các công ty tự quyết.
Khoản 5 Điều 47. Phân phối lợi nhuận	5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo	5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo	Lược bỏ để phù hợp với công ty đăng ký giao dịch

Điều	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ điều chỉnh
	<p>đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu <del>niêm yết</del>/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.</p> <p>8. Công ty trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật. Hằng năm, Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế của mình như sau:</p> <p>a. Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi <del>và các quỹ khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, trong đó, trích tối đa 30% vào Quỹ đầu tư phát triển doanh nghiệp.</del></p> <p>b. Trả cổ tức cho cổ đông.</p> <p>c. Các quỹ <del>đặt</del> trừ khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>d. Tỷ lệ trích các quỹ trên do Đại hội đồng cổ đông quyết định <del>phù hợp</del> với quy định của pháp luật.</p>	<p>đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu <del>đăng</del> ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.</p> <p>8. Công ty trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật. Hằng năm, Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế <u>còn lại</u> của mình như sau:</p> <p>a. <u>Trích Quỹ Đầu tư phát triển. Mức trích Quỹ đầu tư phát triển hằng năm được xác định trên cơ sở nhu cầu vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp, chiến lược dài hạn và kế hoạch đầu tư hàng năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</u></p> <p>b. <u>Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi trên cơ sở kết quả đánh giá, xếp loại doanh nghiệp.</u></p> <p>c. Trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật <u>có liên quan.</u></p> <p>d. Trả cổ tức cho cổ đông.</p> <p>Tỷ lệ trích các quỹ trên do Đại hội đồng cổ đông quyết định <u>và không vượt mức tối đa theo quy định của pháp luật.</u></p>	<p>Điều chỉnh nguyên tắc phân phối lợi nhuận phù hợp quy định tại Điều 25 Luật Quản lý và Đầu tư vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp số 68/2025/QH15</p>
Điều 55. Giải thể Công ty	<p>1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</p> <p>a) <del>Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Công ty mà không có quyết định gia hạn;</del></p> <p>b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh</p>	<p>1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</p> <p>a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;</p>	<p>Khoản 5 Điều 2 quy định thời gian hoạt động của Công ty là vô thời hạn. Do đó, các điều khoản quy định về thời hạn, thủ tục gia hạn hoạt động không phù hợp.</p>

Điều	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ điều chỉnh
	<p>ngành, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;</p> <p>d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (<del>kể cả thời hạn đã gia hạn</del>) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p>	<p>d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p>	
<p>Điều 56. Gia hạn hoạt động</p>	<p>1. <del>Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.</del></p> <p>2. <del>Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.</del></p>	<p>-</p>	<p>Khoản 5 Điều 2 quy định thời gian hoạt động của Công ty là vô thời hạn. Do đó, các điều khoản quy định về thời hạn, thủ tục gia hạn hoạt động không phù hợp.</p>
<p>Khoản 1 Điều 57. Thanh lý</p>	<p>1. <del>Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 Công ty kiểm toán độc lập. ...</del></p>	<p>1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 Công ty kiểm toán độc lập. ...</p>	<p>Khoản 5 Điều 2 quy định thời gian hoạt động của Công ty là vô thời hạn. Do đó, các điều khoản quy định về thời hạn, thủ tục gia hạn hoạt động không phù hợp.</p>